

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

Án số: 05/2018/HSST

Ngày: 07 - 02 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Bá Đăng

- Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại nhà thiếu nhi huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử lưu động sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/HSST-QĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn N**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 19/3/1988.

Nơi sinh: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị T.(ông L được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang)

Vợ: Nông Thị M; Có hai con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 20/12/2017 đến 23/12/2017 chuyển tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đào Thành C, sinh năm 1976, trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

- Anh Phạm Hồng D, sinh năm 1984, trú tại thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt)

- Anh Phạm Văn Đ sinh năm 1990 và ông Bùi Văn T, sinh năm 1962, đều trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 20/12/2017 anh Đào Thành C, sinh năm 1976, trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình là người sử dụng ma túy, gọi điện hỏi mua 200.000 đồng ma túy loại hêrôin của Phạm Văn N, sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã T, huyện Thái Thụy, N đồng ý. Ngay sau đó C thuê anh Phạm Hồng D, sinh năm 1984, trú tại thôn M, xã T, huyện T, chở xe ôm đến khu vực chợ C, thôn H, xã T, huyện Thái Thụy để mua ma túy của N, còn N đi bộ ra khu vực chợ G, xã T, huyện Thái Thụy mua của một người đàn ông khoảng 35 tuổi nhưng không biết tên tuổi, địa chỉ 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng mang về nhà lấy ra một ít ra sử dụng số còn lại N gói lại mang theo người. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày C gọi điện và hẹn N ra chợ C để giao ma túy. N đi bộ ra chợ C thì gặp C đang ngồi ở mé đường. Thấy có đông người nên, N ra hiệu cho C rút tiền vào túi áo khoác của N đang mặc và bảo C đi theo mình ra chỗ khác để giao ma túy. C rút tiền vào túi áo bên trái N đang mặc thì bị tổ công tác Công an huyện Thái Thụy phát hiện, yêu cầu N, C cùng anh D về Ủy ban nhân dân xã T làm rõ sự việc. Tại đây, trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương và hai người chứng kiến là anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1990, ông Bùi Văn T, sinh năm 1962, đều trú tại thôn H, xã T, huyện Thái Thụy, Công an kiểm tra người N phát hiện và thu giữ trong lòng bàn tay trái N 01 gói được gói bằng giấy trắng kim loại màu trắng, mở ra bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, thu giữ trong túi bên trái áo khoác N đang mặc có 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, thu trong túi áo bên phải của N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã cũ. N khai đó là gói ma túy, loại hêrôin N mang theo để bán cho C, số tiền 200.000 đồng là do C trả tiền mua 01 gói ma túy của N nhưng N chưa kịp đưa ma túy cho C, điện thoại là của N dùng để liên lạc bán ma túy cho C; Kiểm tra người C phát hiện và thu giữ trong túi quần bên phải C đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã cũ, C khai đó là điện thoại của C vừa liên lạc để mua ma túy của N, số tiền 200.000 đồng C an thu giữ trong túi áo khoác của N chính là tiền của C trả cho N để mua 01 gói ma túy của N nhưng chưa kịp nhận ma túy thì bị Công an phát hiện. Anh D tự bỏ đồ vật trên người và phương tiện ra để Công an kiểm tra nhưng không phát hiện thu giữ gì. Anh D khai anh làm nghề xe ôm và được C thuê chở từ thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy đến chợ Chiều, thôn Hạ Tập, xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, anh không biết C đi mua ma túy mà chỉ nhìn thấy C rút tiền vào túi áo khoác của N thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang. Công an huyện Thái Thụy đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý, niêm phong vật chứng. Cùng ngày cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy khám xét khẩn cấp nơi ở của N nhưng không thu giữ được gì liên quan đến ma túy.

Bản kết luận giám định số 518//KLGD-PC54 ngày 21/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu A1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có trọng lượng 0,0517 gam”.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố Phạm Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Phạm Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 33, điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 20/12/2017; Do bị cáo không có công việc ổn định, chưa có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 200.000 đồng, tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, đã cũ.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không có ý kiến, tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản quản lý và kiểm tra điện thoại do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 20/12/2017 (Bút lục số: 30-38); Bản kết luận giám định số 518//KLGD-PC54 ngày 21/12/2017 của Phòng kỹ

thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số: 44); Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Thành C, sinh năm 1976, trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (Bút lục số: 69- 74); Lời khai của người làm chứng là anh Phạm Hồng D, sinh năm 1984, trú tại thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (Bút lục số: 78- 81); Lời khai của những người chứng kiến là anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1990, ông Bùi Văn T, sinh năm 1962, đều trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (Bút lục số: 82-89) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an.

[4] Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình Bị cáo tuy nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác, mục đích để kiếm lời, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Theo bản kết luận giám định số 324/KLGD-PC54 ngày 26/7/2017, số ma túy thu được của bị cáo là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có trọng lượng 0,0517 gam.

[5] Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

[6] Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[7] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[8] Xét thấy bị cáo lần đầu phạm tội mua bán chất ma túy, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình là phù hợp.

[9] ***Về xử lý vật chứng:*** Số ma túy thu giữ được của bị cáo là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với số tiền 200.000 đồng là tiền bị cáo thu được từ việc bán ma túy mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[11] Đối với 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, là công cụ dùng để phạm tội nên tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[14] Đối với Đào Thành C mua 01 gói ma túy loại Hêrôin có trọng lượng 0,0517 gam của N mục đích để sử dụng, lượng ma túy chưa đủ truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện Thái Thụy ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công nên không đặt ra xem xét.

[15] Về nguồn gốc số ma túy thu giữ: Bị cáo khai mua của một người đàn ông khoảng 35 tuổi ở khu vực chợ Giành, xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, nhưng Nhã không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra xác minh để xử lý nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 khoản 2 điều 46, điều 33, điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Phạm Văn N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 20/12/2017.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định là 0,0322 gam Heroin

- Tịch thu hóa giá 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, đã cũ thu giữ của bị cáo và anh C để sung công quỹ Nhà nước

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng, là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

(Số vật chứng trên đã được cơ quan điều tra chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 23/01/2018)

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/02/2018. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Kim Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

